

Bản án số: 128/2022/HS-ST
Ngày: 13-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tường Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Nghề Nghiệp: Cán bộ hưu trí phường 10, quận Gò Vấp.

Bà Võ Thị Mai

Nghề Nghiệp: Nguyên chuyên viên phòng giáo dục đào tạo quận Gò Vấp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị N Bích- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 115/2022/HSST ngày 15/06/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HS ngày 01/07/2022 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn N Q; Giới tính: Nam; sinh ngày 11/11/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Thợ thạch cao; Con ông: Nguyễn N C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 04/07/2013 chấp hành cai nghiện bắt buộc tại trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 2 (theo quyết định số 4933/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp) đến ngày 04/07/2015 thì chấp hành xong. Ngày 09/12/2017 chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 (theo quyết định số 185/QĐ-TA ngày 05/06/2017 của TAND quận Gò Vấp) đến ngày 09/10/2019 thì chấp hành xong ; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 14/01/2022 (có mặt).

2/ Nguyễn Văn H; Giới tính: Nam; sinh ngày 23/01/1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề

nghiệp: Thợ thạch cao; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị M; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 21/02/2019, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xử phạt 01 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 22/2019/HS-ST, chấp hành tại trại giam Phước H, ngày 29/11/2019, chấp hành xong hình phạt tù. Chưa thi hành xong các khoản án phí; Nhân thân: Ngày 07/7/2009 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tổng hợp hình phạt của 02 bản án, xử phạt 08 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp tài sản” theo bản án số: 175/2009/HSST, chấp hành án tại trại giam Thủ Đức đến ngày 16/12/2015 chấp hành xong, thời điểm phạm tội Nguyễn Văn H dưới 16 tuổi. Ngày 06/10/2016, chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3 (theo quyết định số 274/QĐ-TA ngày 27/12/2016 của TAND quận Gò Vấp) đến nay 06/04/2018 chấp hành xong. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 14/01/2022 (có mặt).

Bị hại: Trẻ Lê Thị N.G, sinh năm: 2008, *Người giám hộ:* bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1984; địa chỉ: phường Thạnh L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Tô Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 14/01/2022, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô Vision mang BKS: 65D1 – 070.99 đến phòng trọ của Nguyễn N Q tại phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Do Điện thoại di động của Q bị hỏng nên Q nhờ H chở đi tìm cửa hàng để sửa. H điều khiển xe mô tô Vision trên chở Q đến vài cửa hàng nhưng không sửa được nên Q nhờ H chở Q về nhà mẹ ruột Q tại phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Khi H điều khiển xe mô tô Vision trên chở Q di chuyển trên đường Lê Đức Thọ, phường 15, quận Gò Vấp thì Q nhìn thấy Lê Kim N, sinh ngày 01/7/2008 (HKTT: phường Thạnh L, quận 12) hai tay đang cầm, sử dụng điện thoại di động (ĐTDD) SamSung A32 màu xanh biển, lưng N tựa vào tường nhà, mặt hướng ra giữa hẻm Lê Đức Thọ, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên Q nảy sinh ý định giật chiếc ĐTDD trên của N. Lúc này, Q nói với H “Thấy con bé kia sử dụng điện thoại không? giật không?” thì H trả lời “giật”, đồng thời do đang di chuyển chậm nên H điều khiển xe rẽ ngay vào hẻm Lê Đức Thọ. H chạy xe áp sát trẻ N thì Q dùng tay phải giật mạnh chiếc ĐTDD của N, lúc này H tăng ga xe mô tô Vision tiếp tục bỏ chạy vào trong hẻm. Ngay lúc này chị Lê Kim T Sinh năm 1984 (mẹ ruột trẻ N) đang điều khiển xe gắn máy

đến chuẩn bị đón trẻ N thì phát hiện sự việc nên đã tri hô “Cướp, cướp” và cùng người dân đuổi theo xe của Q và H. Khi đến ngã ba, H rẽ phải vào đường Lê Đức Thọ nhưng do chạy tốc độ nhanh, bóp phanh gấp nên xe bị té ngã, H và Q bỏ xe chạy bộ thêm 30m thì bị bắt giữ. Khi bị bắt, Q vẫn đang cầm chiếc ĐTDĐ vừa giật được trên tay phải. Ngay sau đó Công an phường 15, quận Gò Vấp có mặt đưa Q, H cùng vật chứng vụ án về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn N Q và Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A32 dung lượng 128GB, số imei 3558706678245233, đã qua sử dụng. Kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS ngày 24/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp quận - Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận, tài sản bị chiếm đoạt có giá: 3.533.333 (Ba triệu năm trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng”).

Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc điện thoại di động SamSung A32 có đặc điểm nêu trên cho trẻ Lê Kim N dưới sự giám hộ của chị Lê Kim T.

- Xe mô tô BKS: 65D1 – 070.99; Số khung: RLHJF3301CY050606; Số máy: JF33E-0050692. Kết luận giám định số: 4382/KL-KTHS ngày 08/04/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận xe mô tô BKS: 65D1 – 070.99 có số khung, số máy không thay đổi.

Qua tra cứu tại Đội CSGT Công an quận Gò Vấp kết quả xe mô tô BKS: 65D1 – 070.99; Số khung: RLHJF3301CY050606; Số máy: JF33E-0050692 do anh Tô Văn L (Sinh năm 1983, HKTT: phường An Cư, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ) đứng tên chủ xe. Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp đã ủy thác cho Cơ quan CSĐT Công an quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ làm việc với anh L. Anh L trình bày xe mô tô trên thuộc sở hữu của anh L, giao xe và chìa khóa xe trên cho nhân viên tên Tr (sử dụng thuê bao di động số: 0979483722) làm phương tiện đi lại vào tháng 08/2017 cho đến tháng 11/2017 thì Tr không tự giác trả lại xe trên cho anh L. Anh L chưa trình báo sự việc trên đến Cơ quan Công an và hiện tại anh L mong muốn được nhận lại xe mô tô nêu trên.

Tại Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp, Nguyễn Thanh Tr (Sinh năm 1985, HKTT: huyện Tiểu Cần, tỉnh Tr Vinh; Tạm trú: phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh) trình bày: xe mô tô Vision BKS: 65D1 – 070.99 được anh Tô Văn L cho, tặng Tr làm phương tiện đi lại vào năm 2018 (trao đổi qua điện thoại) khi Tr đang còn làm việc cho anh L. Do xe trên đang được anh L sử

dụng tại Thành phố Cần Thơ nên anh L đã chuyển xe trên từ Thành phố Cần Thơ lên Thành phố Hồ Chí Minh (thông qua chành xe) cho L, nhưng chỉ giao xe và chìa khóa xe không giao bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe trên cho Tr với lý do anh L không muốn Tr bán xe này cho người khác nên Tr sử dụng xe trên từ khi nhận được xe cho đến tháng 01/2022. Sáng ngày 14/01/2022, Nguyễn Văn H hỏi mượn xe mô tô Vision trên để đi công việc nên anh Tr cho mượn, việc H và Q sử dụng xe để cướp giật tài sản anh Tr không biết. Đến nay, khi được Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp thông báo anh L có nguyện vọng nhận lại xe mô tô nêu trên thì Tr đồng ý hoàn trả lại xe này cho anh L và không có tranh chấp, khiếu nại khác.

- 01 USB ghi nhận hình ảnh Nguyễn N Q và Nguyễn Văn H thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật điện thoại di động ngày 14/01/2022.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 114/Ctr-VKS ngày 31/05/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố các bị cáo Nguyễn N Q và Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội, đưa ra quan điểm xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn N Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.
- Trả lại cho ông Tô Văn L chiếc xe mô tô Vision BKS: 65D1 – 070.99.
- Không phạt bổ sung đối với các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì các bị cáo Nguyễn N Q và Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi cướp giật tài sản như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận

điều tra của Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng các bị cáo Nguyễn N Q và Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được qui định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo Q rủ bị cáo H thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì bị cáo H đồng ý, bị cáo H chạy xe áp sát vào bị hại, để bị cáo Q dùng tay phải giật điện thoại di động của bị hại là em Lê Kim N, các bị cáo sử dụng phương tiện xe gắn máy để đi cướp giật là dùng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội, vì hành vi này có thể xâm hại đến sức khỏe tính mạng của người bị hại và chính bản thân của các bị cáo, có thể gây ra tai nạn làm chết người, gây mất trật tự an toàn giao thông, mặt khác các bị cáo phạm tội với người dưới 16 tuổi, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có cơ sở và phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài phục vụ cho nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính, giữa nơi công cộng đông người qua lại các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất táo bạo và liều lĩnh bất chấp hậu quả xảy ra, qua đó thể hiện ý thức của các bị cáo rất xem thường pháp luật. mặt khác các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo H có 01 tiền án chưa được xóa án tích lần phạm tội này là tái phạm, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo cướp giật đã được thu hồi trả lại cho bị hại, để giảm nhẹ một phần hình phạt lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của cáo nên miễn hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người giám hộ cho bị hại bà Lê Kim T vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện bà Lê Kim T đã nhận lại tài sản bị cướp giật và không có yêu cầu gì thêm nên không đưa ra xem xét lại.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Vision BKS: 65D1 – 070.99. qua xác minh do ông Tô Văn L đứng tên sở hữu, ông L cho ông Phạm Thanh Tr mượn đi, việc

ông Tr cho bị cáo H mượn xe đi cướp giật, ông L không biết. Nay ông yêu cầu được nhận lại chiếc xe trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông L là có cơ sở nên quyết định trả lại chiếc xe mô tô hiệu Vision BKS: 65D1 – 070.99 cho ông L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn N Q và Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04(bốn) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày 14/01/2022.

Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn N Q 03(ba) năm 09(chín) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày 14/01/2022.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho ông Tô Văn L chiếc xe mô tô hiệu Vision BKS: 65D1 – 070.99.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 30/PNK ngày 15/03//2022 của Công an quận Gò Vấp).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- Viện kiểm sát quận Gò Vấp;
- Công an quận Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án quận Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tường Linh